

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AYUN PA
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 27-02-2019
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Siu Lanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ksor Thiên.
2. Ông Kpă Kinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Ánh -Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2018, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST, ngày 09 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị PLT, sinh năm 1990;
Địa chỉ: xxx đường TS, tổ x, phường YT, thành phố P, tỉnh GL. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Anh NTH, sinh năm 1989;
Địa chỉ: xxx TQT, tổ dân phố x, phường ĐK, thị xã AP, tỉnh GL. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị PLT trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh NTH chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường ĐK, thị xã AP, tỉnh GL. Việc kết hôn là do hai

người tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Trong cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nhất là trong cách nuôi dạy con, ngoài ra anh H còn hay chơi bài bạc, sống không có trách nhiệm với gia đình, đi làm nhưng không đóng góp tiền bạc cho vợ để nuôi con, mặt khác do điều kiện công việc mỗi người làm một nơi nên phải sống xa nhau trong thời gian dài giống như sống ly thân, anh H cũng không thường xuyên gọi điện hỏi thăm nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, không gắn bó. Do đó hiện hai vợ chồng đã chính thức sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh NTH.

- Về con chung: Chị và anh NTH có 01 con chung là NNH, sinh ngày 21/9/2016, hiện cháu H đang sống với anh H. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con vì cháu H còn bé, chưa đủ 36 tháng tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị T yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con thành niên, đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị PLT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh NTH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tại bản tự khai ngày 15/11/2018, biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh N T H trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh H đồng ý với lời trình bày của chị PLT về việc chung sống với nhau, năm kết hôn, cơ sở việc kết hôn và con chung. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, do đặc thù công việc nên mỗi người sống và làm việc một nơi (anh H làm Kế toán vùng cho Chi nhánh tổng Công ty KV tại huyện KP, còn chị T làm việc tại huyện ĐC, tỉnh GL) nhưng cuối tuần vợ chồng vẫn về thăm nhau và thăm con tại nhà ông bà nội ở xxx TQT, thị xã AP. Trong cuộc sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc, nuôi dạy con. Còn những mâu thuẫn khác như chị T trình bày là không đúng, hiện anh H vẫn còn tình cảm thương yêu vợ con nên anh không đồng ý ly hôn mà muốn được đoàn tụ gia đình.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là NNH, sinh ngày 21/9/2016, hiện cháu đang sống với anh H và ông bà nội tại xxx TQT, tổ dân phố x, phường ĐK, thị xã AP. Nếu phải ly hôn thì anh H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu H, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu Tòa án xử giao con cho chị T nuôi dưỡng thì anh H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; trong quá trình giải quyết vụ án những người tham gia tố tụng đã chấp hành và thực hiện quyền và nghĩa vụ

của mình theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh NTH mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy mâu thuẫn giữa chị PLT và anh NTH là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Tuyên xử cho chị PLT được ly hôn với anh NTH.

Về con chung: Giao con chung là cháu NNH, sinh ngày 21/9/2016 cho chị PLT trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và tự lập được.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh NTH phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con thành niên, đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị PLT phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Buộc anh NTH phải chịu 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị PLT khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh NTH và con là cháu NNH có nơi cư trú tại: Tổ dân phố x, phường ĐK, thị xã AP, tỉnh GL nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh NTH không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị PLT và anh NTH đăng ký kết hôn ngày 31/12/2015 tại Ủy ban nhân dân phường ĐK, thị xã AP, tỉnh GL trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh H hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy, chăm sóc con; ngoài ra do đặc thù công việc nên vợ chồng thường xuyên phải sống xa nhau làm cho mâu thuẫn âm ỉ, kéo dài không được hàn gắn, hóa giải do đó vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2016 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh H không đồng ý ly hôn nhưng lại không có biện pháp gì để làm thay đổi tình trạng hôn nhân, hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ anh H không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng và không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn để về đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải để vợ chồng chị T, anh H về đoàn tụ nhưng không thành, chị T vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh H.

Xét thấy, giữa chị T và anh H sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị PLT được ly hôn với anh NTH là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là NNH, sinh ngày 21/9/2016. Sau khi ly hôn cả chị T và anh H đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

Xét thấy, hiện chị PLT đang làm Kế toán tại Trường Mầm non HM, thị trấn CT, huyện ĐC, tỉnh GL công việc và thu nhập ổn định nên có điều kiện để nuôi con. Mặt khác cháu NNH hiện chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần giao cháu H cho chị PLT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị T yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con thành niên. Xét thấy, hiện nay cháu NNH còn nhỏ cần phải được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và học hành nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T là có cơ sở để chấp nhận. Anh NTH hiện đang làm Kế toán vùng cho Chi nhánh tổng Công ty KV – Công ty TNHH MTV GL tại huyện KP, tỉnh GL có thu nhập theo bảng lương là 5.183.000 đồng/tháng, ngoài ra hàng tháng anh H còn được Công ty thưởng thêm các khoản khác ngoài lương. Do đó, mức cấp dưỡng nêu trên theo yêu cầu của chị T là phù hợp nên cần buộc anh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu NNH thành niên (đủ 18 tuổi) và tự lập được. Chị PLT là người nhận tiền cấp dưỡng để nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Chị PLT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh NTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị PLT.

1. Về hôn nhân: Chị PLT được ly hôn với anh NTH.
2. Về con chung: Giao con chung NNH, sinh ngày 21/9/2016 cho chị PLT trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và tự lập được.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh NTH phải cấp dưỡng cho con là NNH (sinh ngày 21/9/2016) mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Anh NTH phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng nêu trên kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu NNH thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị PLT được nhận khoản tiền cấp dưỡng định kỳ hàng tháng nêu trên để nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Vì lợi ích của con khi cần thiết đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị PLT và anh NTH không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đề cập đến.

5. Về án phí: Chị PLT phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001936, ngày 02/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Chị T đã nộp đủ.

Anh NTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

6. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm. Bị đơn anh NTH vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ayun Pa;
- Các đương sự ;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS thị xã Ayun Pa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Siu Lanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ksor Thiên

Kpă Kinh

Siu Lanh

